

Câu 1: Tổng sản phẩm quốc nội là gì ?, Tổng sản phẩm quốc dân là gì ?

Tổng sản phẩm quốc nội viết tắt là GDP (Gross Domestic Product) là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được tạo ra trên lãnh thổ một nền kinh tế tính trong một thời kỳ (thường là 1 năm)

Tổng sản phẩm quốc dân viết tắt là GNP (Gross National Product) là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do công dân một nước tạo ra được tính trong một thời kỳ (thường là một năm).

Câu 2: Hàng hóa và dịch vụ cuối cùng là gì? Hàng hóa và dịch vụ trung gian là gì ?

Hàng hóa và dịch vụ cuối cùng là những hàng hóa và dịch vụ mà người sử dụng cuối cùng mua bao gồm hàng tiêu dùng và dịch vụ mà các hộ gia đình mua, hàng xuất khẩu và các tư liệu lao động như máy móc, thiết bị mà các doanh nghiệp mua về.

Hàng hóa và dịch vụ trung gian là những hàng hóa và dịch vụ dùng làm đầu vào cho quá trình sản xuất ra hàng hóa khác và được sử dụng hết một lần trong quá trình đó bao gồm: nguyên, nhiên, vật liệu, năng lượng, bán thành phẩm... Và các dịch vụ mua ngoài như vận tải, bưu điện, ngân hàng dùng vào sản xuất.

Câu 3: Mối liên hệ giữa GDP và GNP ?

GDP là giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng tạo ra trên lãnh thổ một nước, không kể quốc tịch nào. Nên trong GDP bao gồm:

Giá trị do công dân một nước tạo ra trên lãnh thổ gọi tắt là (A)

Giá trị do công dân nước khác tạo ra trên lãnh thổ gọi tắt là (B). Phần này còn gọi là thu nhập do nhập khẩu các yếu tố sản xuất từ nước ngoài.

$$\text{Vậy GDP} = A + B \quad (1)$$

GNP là giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do công dân một nước tạo ra không kể họ đang ở đâu, nên trong GNP cũng bao gồm:

Giá trị do công dân một nước tạo ra trên lãnh thổ (A)

Giá trị do công dân một nước tạo ra trên lãnh thổ nước khác, gọi tắt là (C). Phần này còn được gọi là thu nhập do xuất khẩu các yếu tố sản xuất ra nước ngoài.

$$\text{Vậy GNP} = A + C \quad (2)$$

Từ (1) và (2) ta có:

$$\text{GNP} = \text{GDP} + (C - B)$$

$GNP = GDP + \text{Thu nhập do xuất khẩu các yếu tố sản xuất} - \text{Thu nhập do nhập khẩu các yếu tố sản xuất}$.

Vậy: $GNP = GDP + NIA$

Với NIA (Net Income Abroad): Thu nhập ròng từ nước ngoài, là hiệu số của thu nhập do xuất khẩu yếu tố sản xuất và thu nhập do nhập khẩu yếu tố sản xuất.

Câu 4: Các phương pháp tính GDP theo giá thị trường ?

1. Phương pháp sản xuất

Tập hợp tổng giá trị gia tăng tạo ra trên lãnh thổ quốc gia trong một thời kỳ.

$$GDP = \text{Tổng } (VA_i)$$

Với VA_i (V.A - Value Added) giá trị gia tăng của doanh nghiệp i .

$VA_i = \text{giá trị sản xuất của doanh nghiệp } i - \text{chi phí trung gian của doanh nghiệp } i$.

Giá trị sản xuất của doanh nghiệp là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ mà doanh nghiệp sản xuất được trong năm (ký hiệu là GO: Gross Outputs).

Chi phí trung gian: là chi phí cho hàng hoá và dịch vụ trung gian.

2. Phương pháp chi tiêu

Tập hợp tổng chi tiêu xã hội để mua hàng hóa và dịch vụ tạo ra trên lãnh thổ gồm:

Chi tiêu trong nước để mua hàng nội địa: $C + I + G - M$

Chi tiêu nước ngoài để mua hàng nội địa: X

Vậy: $GDP = C + I + G + X - M$

3. Phương pháp thu nhập

Tập hợp tổng thu nhập phát sinh trên lãnh thổ bao gồm: tiền lương, tiền lãi, tiền thuê và lợi nhuận. Tuy nhiên, đây chỉ là GDP theo chi phí cho yếu tố sản xuất, nó sẽ không đồng nhất với 2 cách tính trên. Vì vậy, cần điều chỉnh bằng cách cộng thêm vào GDP theo chi phí yếu tố sản xuất các khoản:

Thuế gián thu (T_i)

Khấu hao ($De - \text{Depreciation}$) là giá trị tài sản cố định đã hao mòn trong sử dụng...

Vậy: $GDP = w + i + r + Pr + T_i + De$

Trong đó, bốn dòng thu nhập w, r, i, Pr đều chứa cả thuế trực thu. Phần lợi nhuận Pr bao gồm: lợi nhuận nộp ngân sách (dưới hình thức thuế thu nhập doanh nghiệp), lợi nhuận không chia (để lập

quỹ cho doanh nghiệp như quỹ tái đầu tư, quỹ phúc lợi, khen thưởng...) cuối cùng là phần lợi nhuận chia cho chủ doanh nghiệp và cổ đông.

Câu 5: Kinh tế học là gì?

Là một môn khoa học xã hội nhằm nghiên cứu sự lựa chọn của con người trong việc sử dụng những nguồn tài nguyên có giới hạn để sản xuất hàng hoá và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

Câu 6: Hãy phân biệt khái niệm kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô?

Kinh tế vi mô là một bộ phận của kinh tế học, nghiên cứu từng bộ phận hợp thành của nền kinh tế, chú trọng đến hành vi ứng xử của người tiêu dùng và nhà sản xuất trên từng loại thị trường.

Kinh tế vĩ mô là một bộ phận của kinh tế học, nghiên cứu nền kinh tế như là một tổng thể thống nhất qua những chỉ tiêu như: Giá trị tổng sản lượng, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp, lãi suất, cán cân ngoại thương, cán cân ngân sách... và quan hệ giữa chúng. Từ đó, đề xuất chính sách để ổn định hoá và tăng trưởng kinh tế.

Câu 7: Sản lượng tiềm năng, tổng cung, tổng cầu là gì?

Sản lượng tiềm năng :Là mức sản lượng tối ưu mà nền kinh tế có thể đạt được khi sử dụng hết một cách hợp lý các nguồn lực của nền kinh tế mà không gây áp lực lạm phát tăng cao.

Sản lượng tiềm năng còn được gọi là sản lượng toàn dụng hay sản lượng hữu nghiệp. Khi nghiên cứu về sản lượng tiềm năng ta cần lưu ý:

Ở sản lượng tiềm năng vẫn còn thất nghiệp, đó là tỉ lệ thất nghiệp chuẩn hay tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên (Natural rate of unemployment). Gọi Y_p là sản lượng tiềm năng:

Y_t là sản lượng thực

U_n là tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên

U_t là tỉ lệ thất nghiệp thực

$Y_t = Y_p$ thì $U_t = U_n$

$Y_t > Y_p$ thì $U_t < U_n$

$Y_t < Y_p$ thì $U_t > U_n$

Tổng cung là : Là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong nước mà các doanh nghiệp muốn cung ứng tại mỗi mức giá nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định.

Tổng cầu là : Là giá trị của toàn bộ lượng hàng hoá và dịch vụ nội địa mà hộ gia đình, doanh nghiệp, chính phủ, người nước ngoài... muốn mua tại mỗi mức giá nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định.

Câu 8: Giả sử có các hàm:

$$C = 200 + 0,8 Yd$$

$$I = 100 + 0,2Y$$

$$G = 260$$

$$T = 50 + 0,1 Y$$

$$X = 500$$

$$M = 30 + 0,23 Y$$

Hãy cho biết ý nghĩa của các số hạng 0,8; 0,2; 0,1; 0,23 trong các hàm C, I, T và M ở trên.

Xác định AD và giải thích các nhân tố AD0 và ADm .

Hãy tính sản lượng cân bằng quốc gia theo phương pháp đại số và phương pháp đồ thị.

Nếu đầu tư tăng 50, tiêu dùng của hộ gia đình tăng 220, chính phủ tăng chi tiêu 40 thì sản lượng cân bằng mới là bao nhiêu?

Sinh viên tự làm theo hướng dẫn :

0,8 trong hàm C: Cuối trang 48 và đầu trang 49, hàm C.

0,2 trong hàm I: Trang 53, hàm đầu tư I theo biến số sản lượng. 0,1 trong hàm T: Trang 56, hàm thuế ròng T theo Y.

0,23 trong hàm M: Trang 59, hàm nhập khẩu M theo Y.

Xem giáo trình chính, chương 3, trang 59 và trang 60.

Xem giáo trình chính, chương 3:

Tính YE theo phương pháp đại số: trang 61 và ví dụ ở cuối trang 62, đầu trang 63.

Tính YE theo phương pháp đồ thị: đồ thị trang 63.

Xem giáo trình chính, chương 3, trang 65 đến trang 68.

Câu 9: Chi tiêu đầu tư của chính phủ là gì? Chi tiêu đầu tư tư nhân là gì?

Chi tiêu tiêu dùng C của các hộ gia đình là lượng chi tiêu của các hộ gia đình để mua sắm những tư liệu sinh hoạt hằng ngày của hộ gia đình trong giới hạn của thu nhập khả dụng (Yd) có được

Chi tiêu đầu tư của chính phủ là gì?

Là lượng chi tiêu của Chính phủ để: chi tiêu dùng thường xuyên và chi đầu tư của Chính phủ. Vậy, ta có:

$$G = C_g + I_g$$

Trong cơ cấu chi tiêu của Chính phủ, cần thiết phải giảm chi tiêu dùng thường xuyên. Nhưng đối với chi đầu tư của Chính phủ thì cần thiết phải gia tăng. Đây cũng là biện pháp để khắc phục những nhược điểm vốn có của kinh tế thị trường.

Bên cạnh đó, các nhà kinh tế học ở các nước đang phát triển còn cho rằng, khi tăng chi tiêu Chính phủ, Chính phủ cần ưu tiên chi mua hàng hoá và dịch vụ nội địa.

Câu 10: Cách xác định sản lượng cân bằng quốc gia theo phương pháp đại số ?

Nếu giả định rằng các doanh nghiệp không dự trữ hàng tồn kho thì thị trường hàng hoá và dịch vụ sẽ cân bằng khi:

$$AS = AD \text{ Mà: } AS = Y; \text{ và } AD = C + I + G + X - M$$

$$\text{Nên: } Y = C + I + G + X - M \quad (1)$$

Phương trình (1) là phương trình xác định sản lượng cân bằng quốc gia theo điều kiện cân bằng.

Ta lại biết rằng, khi có chính phủ can thiệp vào luồng chu chuyển kinh tế:

$$Y_d = Y - T \text{ và } Y = Y_d + T \quad (*)$$

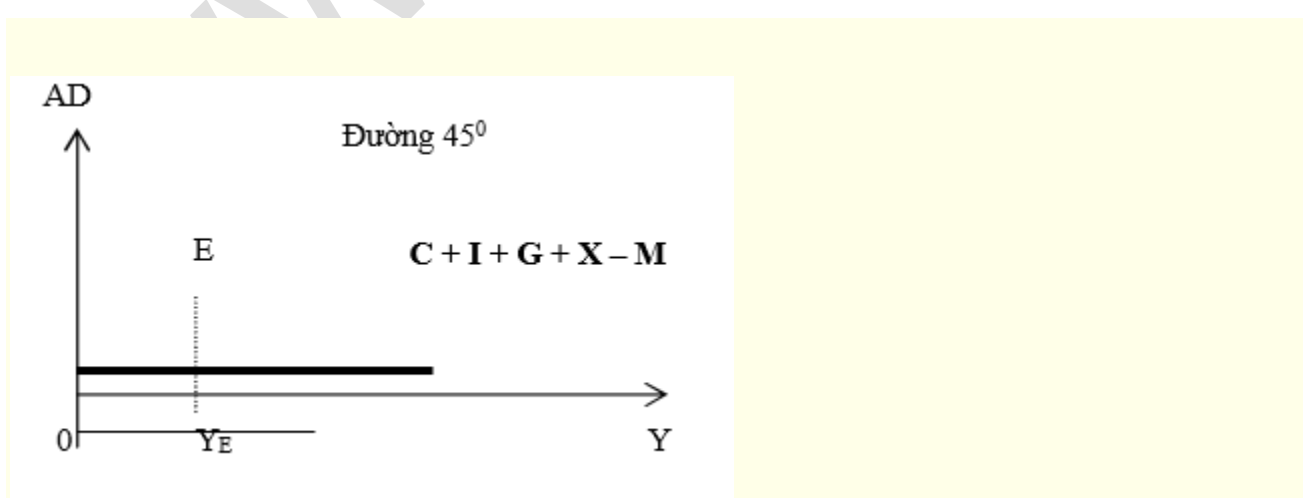
Thay (*) vào (1) ta có:

$$Y_d + T = C + I + G + X - M \text{ và } Y_d - C + T + M = I + G + X$$

$$\text{Hay } S + T + M = I + G + X \quad (2)$$

Phương trình (2) phản ánh: để cân bằng thị trường hàng hoá và dịch vụ trong nền kinh tế quốc gia, thì lượng rút ra (hay rò rỉ) khỏi nền kinh tế lại phải được bơm vào nền kinh tế.

Câu 11: Cách xác định sản lượng quốc gia theo phương pháp đồ thị ?



Câu 12: Cách xác định sản lượng cân bằng khi tổng cầu ad thay đổi ?

1. Sự thay đổi của tổng cầu

Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến tổng cầu, làm cho chi tiêu tự định AD0 thay đổi. Chẳng hạn như:

- Lãi suất giảm sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp gia tăng đầu tư.
- Nền kinh tế tăng trưởng liên tục và ổn định sẽ dẫn đến những dự đoán lạc quan về tương lai làm tiêu dùng gia tăng mạnh.
- Cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ trong khu vực có thể sẽ làm các doanh nghiệp giảm đầu tư, dân chúng giảm tiêu dùng.
- Tổ chức Seagames sẽ làm gia tăng tiêu dùng của dân chúng và khách nước ngoài...

2. Số nhân tổng cầu (hay số nhân chi tiêu tự định) k

Khái niệm: Số nhân k là hệ số phản ảnh lượng thay đổi của sản lượng cân bằng quốc gia (DY) khi tổng cầu thay đổi trong phần chi tiêu tự định 1 lượng

DAD0 bằng 1 đơn vị.

$$k = DY / DAD0 \text{ hoặc } DY = kDAD0$$

Với: $DAD0 = S \cdot DAD0, i$

Vì giả sử, khi các nhân tố khác trong cơ cấu của tổng cầu không thay đổi, chỉ có tiêu dùng thay đổi một lượng là DC, thì khi đó, tổng cầu sẽ thay đổi trong phần chi tiêu tự định một lượng đúng bằng DC:

$$DAD0 = DC$$

Tương tự, khi I, G, X thay đổi, ta có:

$$DAD0 = DI$$

$$DAD0 = DG$$

$$DAD0 = DX$$

Nhưng khi nhập khẩu thay đổi, ta có: $DAD0 = -DM$ Công thức tính k: Các nhà kinh tế đã tính được: $k = 1 / (1 - ADm)$

Vì $0 < ADm < 1$ nên $1 > (1 - ADm)$. Do đó, $k > 1$. Khi I à ADà Yà Ydà Cà ADà Y. . .

Nhưng cần lưu ý rằng số nhân chỉ luôn lớn hơn 1 trong những điều kiện nhất định như: mức giá, lãi suất và tỷ giá hối đoái không đổi.

Như vậy, ta có thể thấy rằng, do $k > 1$, nên nếu tổng cầu thay đổi trong chi tiêu tự định một lượng là DAD0 thì sản lượng sẽ thay đổi một lượng DY lớn hơn k lần, xét về trị tuyệt đối.

Câu 12: Tiền và Cung tiền tệ là gì? Các thành phần lưu hành của Cung tiền tệ ?

Tiền: Là phương tiện thanh toán được chấp nhận chung và được dùng bất kỳ lúc nào, để thanh toán bất kỳ một khoản là bao nhiêu, cho bất kỳ ai.

Cung tiền tệ: Là giá trị của toàn bộ quỹ tiền hiện có trong lưu hành gồm các thành phần:

Tiền giao dịch (M1): là lượng tiền dùng giao dịch, (mua, bán, chi trả...) trong xã hội.

$$M1 = \text{Tiền mặt ngoài ngân hàng} + \text{Tiền gửi không kỳ hạn}$$

Tiền rộng: Ngoài loại tiền có thể thanh toán được ngay trong xã hội còn có các loại tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi định kỳ, tín dụng... gọi là tiền rộng, những loại này mặc dù chưa có khả năng giao dịch nhưng có thể biến thành tiền vào bất kỳ lúc nào khi có yêu cầu. Do đó, ta có thêm những khối tiền sau:

$$M2 = M1 + (\text{Tiết kiệm, tiền gửi định kỳ, hợp đồng mua lại qua đêm, Euro - Dollar qua đêm...})$$

$$M3 = M2 + (\text{Tín dụng, hợp đồng mua lại dài hạn, Euro - Dollar dài hạn...})$$

Trong những khối tiền trên thì M1 là quan trọng nhất, là cơ sở để tính toán các khối tiền khác.

Câu 13: Cơ số tiền và thừa số tiền là gì ?

Cơ số tiền (hay quỹ tiền mặt): Là lượng tiền giấy và tiền kim loại ngoài Ngân hàng cộng với tiền dự trữ trong Ngân hàng. Đây là toàn bộ lượng tiền do Ngân hàng Trung ương phát hành.

Thừa số tiền (hay số nhân tiền): Là hệ số phản ánh khối lượng tiền (quỹ tiền) được tạo ra từ 1 đơn vị cơ số tiền.

Ta có:

Quỹ tiền = Thừa số tiền x Cơ số tiền

M1: Giá trị khối tiền (quỹ tiền)

KM: Thừa số tiền

H: Tiền mạnh (quỹ tiền mặt)

C: Lượng tiền mặt ngoài Ngân hàng

c: Tỷ lệ giữa tiền mặt ngoài Ngân hàng và tiền gửi vào Ngân hàng $c = C/D$ $\Rightarrow C = cD$

Vậy: $M1 = KM \cdot H$ (*)

Với: $H = C + R = cD + rD = (c + r) D$

Mà: $M1 = C + D = cD + D = (c + 1) D$

Từ (*) $\Rightarrow KM = M1/H$

Từ công thức tính KM ta rút ra một số tính chất sau:

$KM > 1$ vì $0 < r < 1$ và $c > 0$: Điều này có nghĩa là lượng tiền giao dịch trong nền kinh tế luôn lớn hơn lượng tiền mặt do NHTW phát hành.

KM càng lớn nếu hoạt động kinh doanh tiền của các Ngân hàng trung gian càng mạnh nghĩa là:

Ngân hàng dự trữ tiền càng ít, r giảm

Gửi tiền vào Ngân hàng càng nhiều, c giảm

Câu 14: Ngân hàng trung gian là gì ? Các loại ngân hàng trung gian ?

NHTG là một trung gian tài chính, có giấy phép kinh doanh của chính phủ để cho vay tiền và mở các khoản tiền gửi. Có chức năng:

Kinh doanh tiền tệ.

Thủ quỹ của các doanh nghiệp, các hộ gia đình.

Tạo ra tiền.

Các loại NHTG: Các Ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng.

Ta đã biết NHTG luôn trích dự trữ trên mỗi đơn vị tiền gửi nhận được. Toàn bộ lượng tiền còn lại NHTG sẽ đem đi cho vay hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng như: Chiết

khấu, tái chiết khấu các chứng từ có giá ngắn hạn, cho thuê tài chính hoặc bảo lãnh ngân hàng... Chính khoản cho vay này đã làm M1 tăng lên.

Vậy:

Bằng hoạt động kinh doanh tiền qua hình thức tín dụng, các NHTG này đã “tạo ra tiền” làm cho M1 lớn lên hơn lượng tiền ban đầu.

Đồng tiền đi qua Ngân hàng càng nhiều (gửi nhiều, cho vay nhiều) thì M1 càng lớn lên.

Câu 15: Ngân hàng trung ương là gì ? Chức năng của nó ?

Ngân hàng trung ương (NHTW) :NHTW là Ngân hàng kiểm soát và phát hành tiền. NHTW có chức năng:

Ngân hàng phát hành tiền

Ngân hàng giám đốc, kiểm soát hoạt động của các NHTG và thay mặt chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ.

Ngân hàng cho vay cuối cùng

Nên NHTW có quan hệ chặt chẽ với chính phủ và với các NHTG.

Mục tiêu của NHTW là điều hòa lượng tiền trong xã hội cho phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế, ổn định giá cả, tăng trưởng kinh tế nhanh và thất nghiệp thấp.

NHTW sẽ dùng 3 công cụ chủ yếu sau để tác động đến M1. Đây chính là những công cụ chủ yếu của chính sách tiền tệ.

Công cụ 1: Yêu cầu về tỷ lệ dự trữ bắt buộc: Khi NHTW yêu cầu giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc ở các NHTG, tỷ lệ dự trữ chung sẽ giảm, làm tăng thừa số tiền, nên quỹ tiền sẽ gia tăng. Và ngược lại, khi NHTW yêu cầu tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thì quỹ tiền trong toàn nền kinh tế sẽ giảm vì thừa số tiền giảm.

Công cụ 2: Quy định tỷ suất chiết khấu (rD: Discount rate): Tỷ suất chiết khấu là lãi suất mà NHTW tính với các NHTG khi NHTG vay tiền của NHTW.

Muốn tăng M1: NHTW giảm rD, các NHTG thấy rằng không cần dự trữ tiền mặt nhiều, nếu cần, đến vay NHTW với lãi suất khuyến khích như trên. Do đó NHTG sẽ mở rộng cho vay, làm tăng M1.

Muốn giảm M1: NHTW tăng rD lên. Các NHTG sẽ tăng dự trữ tiền mặt (tức tăng tỷ lệ dự trữ vượt trội), vì lẽ có sự cố phải vay NHTW với lãi suất cao. Do đó, giảm cho vay, làm giảm M1.

Công cụ 3: Nghiệp vụ thị trường tự do (NVTTTD): NVTTTD được tiến hành khi NHTW thay đổi cơ số tiền bằng cách mua vào hoặc bán ra các chứng khoán tài chính trên thị trường tự do.

Muốn mở rộng tiền tệ: Mua chứng khoán trên thị trường, do đó, đẩy tiền mặt vào lưu thông, tăng cơ số tiền làm tăng M1.

Muốn thu hẹp tiền tệ: Bán chứng khoán, thu tiền về, giảm lượng tiền mặt trong xã hội, giảm cơ số tiền làm giảm M1.

Kết luận: 3 công cụ này sẽ được sử dụng theo hướng:

Nếu có suy thoái kinh tế: NHTW tăng cung ứng tiền, gọi là chính sách mở rộng tiền tệ.

Nếu có lạm phát cao: Giảm cung ứng tiền, gọi là chính sách xiết chặt tiền tệ.

Câu 16: Ngân sách của chính phủ là gì ? Các trường hợp làm thâm hụt ngân sách chính phủ ?

Khái niệm: Ngân sách chính phủ là một bảng liệt kê một cách hệ thống các khoản chi tiêu của chính phủ và nguồn thu để thực hiện các khoản chi đó.

Thâm hụt ngân sách chính phủ B (Budget deficit): Thâm hụt ngân sách chính phủ là phần chênh lệch giữa chi tiêu ngân sách và nguồn thu ngân sách của chính phủ. Vậy: $B = G - T$

Thâm hụt ngân sách chính phủ có 3 trường hợp có thể xảy ra:

Khi $B > 0$ có nghĩa là $G > T$ à bội chi ngân sách.

Khi $B = 0$ có nghĩa là $G = T$ à cân bằng ngân sách.

Khi $B < 0$ có nghĩa là $G < T$ à bội thu ngân sách.

Câu 17: Thay đổi thâm hụt ngân sách chính phủ tác động thế nào đối với tổng cầu và sản lượng quốc gia?

Chính phủ có thể thay đổi thâm hụt ngân sách:

Nếu chính phủ muốn tăng thâm hụt ngân sách thì có thể thực hiện bằng cách: hoặc tăng chi tiêu ngân sách G, hoặc giảm thuế ròng T, hoặc áp dụng đồng thời cả hai.

Ngược lại, nếu chính phủ muốn giảm thâm hụt ngân sách thì có thể thực hiện bằng cách: hoặc giảm chi tiêu ngân sách G, hoặc tăng thuế ròng T, hoặc áp dụng đồng thời cả hai.

Khi chính phủ thay đổi thâm hụt ngân sách có thể lựa chọn một trong ba biện pháp, ta sẽ lần lượt xét tác động của từng biện pháp đối với tổng cầu và đối với sản lượng.

Câu 18: Chính sách tài khoá chủ động là gì ?

Theo quan điểm này, để xác định chính sách tài khoá cần thực hiện, phải

dựa vào thực trạng của nền kinh tế quốc gia (được phản ánh thông qua GDP/Yt và YE).

Khi nền kinh tế suy thoái (YE hay $Y_t < Y_p$), để kích thích tổng cầu tăng lên, làm tăng sản lượng quốc gia, chính phủ cần tăng thâm hụt ngân sách bằng cách tăng chi tiêu G, hoặc giảm thuế ròng T, hoặc vừa tăng chi tiêu G vừa giảm thuế ròng T. Người ta gọi đây là chính sách tài khoá mở rộng.

Ngược lại, khi nền kinh tế có lạm phát cao (YE hay $Y_t > Y_p$) để giảm tổng cầu, điều tiết sản lượng quốc gia về mức sản lượng tiềm năng, chính phủ cần giảm thâm hụt ngân sách bằng cách giảm chi tiêu G, hoặc tăng thuế ròng T, hoặc vừa giảm chi tiêu G vừa tăng thuế ròng T đây là chính sách tài khoá thu hẹp.

Nếu chỉ thay đổi chi tiêu G (không thay đổi thuế ròng T) thì lượng chi tiêu cần thay đổi là:

$$DG = DAD0 = DY/k = (Y_p - YE)/k$$

Nếu chỉ thay đổi thuế ròng T chi tiêu G (không thay đổi chi tiêu G) thì lượng thuế ròng cần thay đổi là:

$$DT = DTx = DAD0/-Cm$$

Nếu tác động đồng thời vào G và T thì lượng chi tiêu G và lượng thuế ròng T cần thay đổi thoả phương trình:

$$D AD_0, G + D AD_0, T = D AD_0$$

$$P D G - C_m DT = D AD_0$$

Câu 19: Chính sách tài khóa là gì ? Mục tiêu và hoạt động của nó ?

Khái niệm: Chính sách tài khoá là những quyết định của chính phủ đối với việc thay đổi thâm hụt ngân sách bằng cách sử dụng hai công cụ là: Chi tiêu G và thuế ròng T.

Mục tiêu: Chính sách tài khoá nhằm mục tiêu điều tiết vĩ mô, ổn định hoá nền kinh tế ở mức sản lượng mục tiêu là Y_p .

Cơ sở xác định chính sách: Thực trạng của nền kinh tế, được phản ảnh qua chỉ tiêu YE hoặc Y_t so với sản lượng tiềm năng Y_p .

Câu 20: Chính sách tài khoá tự động là gì?

Các nhà kinh tế học theo quan điểm này cho rằng, để điều tiết kinh tế vĩ mô chính phủ cần sử dụng các nhân tố ổn định tự động trong nền kinh tế là: Thuế thu nhập có lũy tiến và trợ cấp thất nghiệp. Khi đó, chính sách tài khóa tự nó được thực hiện.

Thật vậy, nếu nền kinh tế có các nhân tố này được áp dụng thì:

Khi kinh tế suy thoái, thu nhập giảm, thuế thu nhập mà chính phủ thu được sẽ giảm đi, đồng thời, trợ cấp thất nghiệp phải chi sẽ tự động tăng do tỷ lệ thất nghiệp tăng. Do đó, thuế ròng đã tự động giảm.

Tương tự với trường hợp ngược lại

Câu 21: Các biện pháp để giảm thất nghiệp ?

Phải đào tạo lại tay nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động trong xã hội (giảm thất nghiệp do cơ cấu)

Nhà nước phải có biện pháp giúp các học sinh tốt nghiệp có tay nghề và kinh nghiệm làm việc lúc ban đầu.

Giảm trợ cấp thất nghiệp, giảm thuế thu nhập...

Các chính sách nhằm vào nhu cầu lao động:

Trợ cấp hoặc giảm thuế đối với giá nguyên vật liệu.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất.

Phát triển mọi thành phần kinh tế và tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài...

Câu 22: Nguyên nhân và tác động của Lạm Phát ?

Có 3 nguyên nhân chính:

Do sức ỳ của nền kinh tế: Nếu giá cả cứ tăng đều với một tỷ lệ nhất định trong thời gian dài, nền kinh tế không có những thay đổi lớn nào về cung cầu hàng hoá, người ta đi đến chỗ trông chờ tỷ lệ đó, nó sẽ được hạch toán vào tất cả các hợp đồng của nền kinh tế. Đó chính là sức ỳ của nền kinh tế, tạo ra lạm phát ỳ.

Do cầu kéo: Khi tổng cầu tăng, dẫn đến mức giá chung của hàng hoá tăng ta gọi đây là “lạm phát do cầu kéo”. Ví dụ: một sự gia tăng chi tiêu của chính phủ có thể làm mức giá tăng cao.

Do chi phí đẩy: Chi phí sản xuất tăng (tiền lương, giá nguyên nhiên vật liệu...) làm hạn chế khả năng sản xuất của các doanh nghiệp, AS bị đẩy sang trái. Việc giảm cung từ AS1 ® AS2 làm giá tăng từ P1 ® P2 và sản lượng giảm từ Yp ® Y2. Do đó, gọi đây là “lạm phát do chi phí đẩy” hay lạm phát đình đốn.

TÁC ĐỘNG CỦA LẠM PHÁT Có 3 tác động chính:

Sự phân phối lại thu nhập và của cải: Vì giá cả và thu nhập danh nghĩa biến động không cùng tốc độ nên có sự thay đổi trong thu nhập thực tế dẫn đến sự phân phối lại.

Sự điều chỉnh các chỉ tiêu danh nghĩa: Khi lạm phát diễn ra lâu dài thì thị trường bắt đầu thích nghi bằng cách cộng thêm tỷ lệ lạm phát vào các chỉ tiêu thực khi tính toán các chỉ tiêu danh nghĩa. Ví dụ: Khi giá cả ổn định lãi suất thị trường là 3%. Khi tỷ lệ lạm phát tăng 6%, lãi suất được điều chỉnh thành 9% ($9\% = 3\% + 6\%$).

Tác động đến sản lượng: Không có mối quan hệ trực tiếp giữa lạm phát và mức sản lượng vì sẽ có trường hợp lạm phát cao, sản lượng cao (lạm phát do cầu kéo) và lạm phát cao nhưng sản lượng thấp (lạm phát do chi phí đẩy)

Câu 23: Sự cân bằng ngắn hạn, cân bằng dài hạn của kinh tế vĩ mô là gì?

SỰ CÂN BẰNG NGẮN HẠN

Sự cân bằng ngắn hạn xảy ra khi tổng cung ngắn hạn và tổng cầu cân bằng. Nếu nhìn trên đồ thị đó là giao điểm E của đường AD với đường AS (hay SAS). Tại E: Thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ cân bằng, vì E thuộc đường AD.

Sự cân bằng ngắn hạn có thể xảy ra khi:

$Y_E < Y_p$, ta gọi đây là trường hợp cân bằng khiếm dụng, nền kinh tế có tỷ lệ thất nghiệp cao.

$Y_E = Y_p$, ta gọi đây là trường hợp cân bằng toàn dụng.

$Y_E > Y_p$, ta gọi đây là trường hợp cân bằng nhưng có lạm phát cao, nền kinh tế tăng trưởng nóng.

SỰ CÂN BẰNG DÀI HẠN

Sự cân bằng dài hạn xảy ra khi tổng cung ngắn hạn, tổng cung dài hạn và tổng cầu cân bằng. Nếu nhìn trên đồ thị, đó là giao điểm E của đường AD với đường SAS và đường

LAS. Tại E, mọi thị trường: Hàng hoá – dịch vụ, tiền tệ và lao động đều cân bằng; mức giá là mức giá kỳ vọng.

Câu 24: Sự điều tiết của chính phủ trên thị trường theo nguyên tắc cố định, theo nguyên tắc phản hồi là gì? Anh/chị ủng hộ nguyên tắc nào? Tại sao?

TÍNH ĐỘNG CỦA SẢN LƯỢNG – MỨC GIÁ VÀ QUY TẮC CỐ ĐỊNH

Vì mức giá và sản lượng có tính động, nên có quan điểm kinh tế vĩ mô cho rằng, khi sản lượng cân bằng chưa ở mức toàn dụng, nền kinh tế suy thoái hay lạm phát cao, chính phủ vẫn không nên tác động, mà hãy để nền kinh tế tự điều chỉnh về mức sản lượng tiềm năng. Đây là quan điểm điều tiết theo “quy tắc cố định” hay chính sách thụ động.

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH VĨ MÔ THEO QUY TẮC PHẢN HỒI

Một số quan điểm lại cho rằng, khi sản lượng cân bằng chưa ở mức toàn dụng, nền kinh tế suy thoái hay lạm phát cao, chính phủ cần chủ động tác động để điều tiết sản lượng về mức toàn dụng bằng các chính sách vĩ mô. Vì thông thường, quá trình tự điều chỉnh của nền kinh tế diễn ra rất chậm, có thể gây hậu quả: Suy thoái kéo dài, hay lạm phát tăng quá cao. Đây là quan điểm điều tiết theo “quy tắc phản hồi” hay chính sách chủ động.

Tuy nhiên, phân tích tác động của chính sách chủ động trên cơ sở liên kết các thị trường cho ta kết luận: Chính sách mở rộng làm tăng tổng cầu, nhưng sẽ kéo mức giá tăng theo, làm giảm tác động của chính sách. Nếu thị trường tiêu thụ càng nhạy cảm với mức giá (đường AD càng bằng thoải) thì tác động của chính sách càng yếu.

Kết luận:

Trong ngắn hạn, nền kinh tế có thể cân bằng trong tình trạng khiếm dụng, hoặc cân bằng toàn dụng, hoặc cân bằng có lạm phát cao. Khi đó, chính phủ có thể sử dụng chính sách vĩ mô để ổn định hoá nền kinh tế, hoặc để nền kinh tế tự điều chỉnh. Chính sách chủ động hay thụ động cũng sẽ làm thay đổi sản lượng, mức nhân dụng và mức giá.

Câu 25: Các chính sách phối hợp mà chính phủ nên sử dụng để điều tiết và ổn định hoá kinh tế vĩ mô là gì?

Chính sách mở rộng tài khoá phối hợp với mở rộng tiền tệ:

Chính sách này thường được áp dụng khi nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái: tỷ lệ thất nghiệp tăng cao (U^-), sản lượng giảm (Y^-), hay sản lượng thấp hơn sản lượng tiềm năng (Y_t hay $Y_E < Y_p$).

Chính sách thu hẹp tài khoá phối hợp với thu hẹp tiền tệ:

Chính sách này thường được áp dụng khi nền kinh tế có dấu hiệu tăng trưởng nóng: Tỷ lệ lạm phát tăng cao ($Inf \%$ -) hay sản lượng cao hơn sản lượng tiềm năng (Y_t hay $Y_E > Y_p$).

Chính sách ổn định hóa thu nhập:

Như vậy, chính sách ổn định hoá thu nhập thường được thực hiện là phối hợp chính sách mở rộng tiền tệ với chính sách thu hẹp tài khoá. Nhưng, khi phối hợp thực hiện chính sách thu hẹp tài khoá cần lưu ý: Giảm chi tiêu thường xuyên của chính phủ (C_g) chứ không cắt giảm đầu tư của chính phủ (I_g); tăng thuế nhưng không làm giảm khuyến khích đầu tư tư nhân.